

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Công văn số 1463/BCT-CTĐP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc báo cáo tình hình thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ kết quả triển khai Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh báo kết quả với nội dung như sau

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo tình hình thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025, với những nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai Chương trình

Sau khi Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công và Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia 2021 – 2025 được ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quán triệt và chỉ đạo Sở, ngành chuyên môn hoàn chỉnh các cơ sở pháp luật để triển khai thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh.

Sau giai đoạn cao điểm chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh¹, Tỉnh An Giang đã bắt tay ngay vào công cuộc tái cơ cấu kinh tế, nỗ lực đổi mới mô hình tăng trưởng, hướng đến phát triển bền vững, góp phần trong đó là việc triển khai Chương trình khuyến công quốc gia trên địa bàn tỉnh. Cụ thể, Tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025. Cùng với đó, địa phương đã chủ động phối hợp với Cục Công Thương địa phương – Bộ Công Thương tổ chức nhiều hoạt động triển khai, quán triệt, tập huấn nghiệp vụ khuyến công không những để bồi

¹ Quyết định số 1166/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang về việc xác định thời gian ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 (ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 447/QĐ-TTg về việc công bố dịch COVID-19 trên toàn quốc) đến ngày 11 tháng 10 năm 2021 (ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP “Quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”) là 21 tháng.

đường, nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến công nói riêng, mà còn kết hợp phổ biến rộng rãi đến các đối tượng áp dụng chính sách khuyến² công nói chung. Qua đó, giúp cán bộ, cộng tác viên, đối tượng thực hiện Chương trình nắm bắt thông tin, hiểu rõ hơn về khuyến công và triển khai hiệu quả, kịp thời không để lãng phí các chính sách, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thật bền vững.

2. Xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách về công tác khuyến công

- *Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 - 2025*: Trong giai đoạn từ năm 2021 – 2025, như đã báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025.

- *Về xây dựng, ban hành văn bản lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động khuyến công*: Tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý cộng tác viên khuyến công trên địa bàn tại Quyết định số 72/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngoài ra, để thực hiện các mục tiêu, triển khai các chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, Tỉnh đã chỉ đạo ngành Công Thương là nòng cốt đảm bảo công tác khuyến công trên địa bàn được thực thi hiệu quả, đúng đối tượng, phù hợp với thực tiễn của địa phương nhằm khơi thông các nguồn lực; bên cạnh đó, công tác hậu kiểm rất được chú trọng, đảm bảo việc triển khai triển khai thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, tránh lãng phí.

3. Công tác phối hợp và phân công, phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện

- Triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp hoạt động giữa ngành Công Thương với tổ chức, đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Liên minh HTX, Đoàn thanh niên; Hiệp hội doanh nghiệp...); phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị (các viện, các trường, các chuyên gia, kỹ sư, các nhà quản lý...) để triển khai hoạt động khuyến công.

- Lồng ghép chương trình khuyến công với thực hiện các Chương trình mục tiêu, các đề án³ khác nhằm khuyến khích, thu hút nguồn vốn của toàn xã hội đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện

1.1. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia: Hỗ trợ 05 cơ sở công nghiệp nông thôn (viết tắt CNNT) ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp (viết tắt CN-TTCN) trong các lĩnh vực như chế biến thực phẩm, sản

² Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn; tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công.

³ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Chương trình chống biến đổi khí hậu; Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ và các chương trình khác.

xuất hàng TTCN, cơ khí; với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.400 triệu đồng, vốn thu hút đầu tư từ cơ sở CNNT là 4.600 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí khuyến công địa phương: Hỗ trợ 57 cơ sở CNNT ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN trong các lĩnh vực như chế biến thực phẩm, sản xuất hàng TTCN, cơ khí; với tổng kinh phí hỗ trợ là **13.058** triệu đồng, vốn thu hút đầu tư từ cơ sở CNNT là 27.148 triệu đồng.

1.2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

- Trưng bày, giới thiệu những thành tựu và hoạt động của ngành Công Thương, đồng thời quảng bá hình ảnh, sản phẩm đặc thù của tỉnh và giới thiệu sản phẩm CNNT tiêu biểu, sản phẩm OCOP An Giang tại 12 cuộc Hội chợ, triển lãm trong nước. Qua đó, đã thực hiện việc trưng bày, quảng bá sản phẩm cho 205 lượt cơ sở CNNT tham gia.

- Tổ chức 02 cuộc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, có 29 lượt cơ sở tham gia. Qua đó, đã chấm chọn được 33 sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh; tổng kinh phí tổ chức là 128 triệu đồng. Trong giai đoạn 2021 – 2025, đã hoàn chỉnh thủ tục đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực và quốc gia; kết quả có 08 sản phẩm cấp khu vực và 03 sản phẩm đạt cấp quốc gia.

1.3. Hỗ trợ liên doanh, liên kết; tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hợp tác đầu tư phát triển các cụm công nghiệp

Triển khai nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng nội dung hỗ trợ phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường. Thông qua liên kết vùng, cơ sở hạ tầng vùng ngày càng được hoàn thiện, mạng lưới liên vùng từng bước được kết nối đồng bộ góp phần đáng kể trong việc thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia hợp tác, đặc biệt là thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư,...

Bên cạnh đó, việc tăng cường thu hút đầu tư và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp có công nghệ và hiệu quả cao, vừa qua tỉnh cũng tập trung quy hoạch và phát triển cụm công nghiệp ⁴ nhằm thu hút mạnh mẽ hơn nữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư. Giai đoạn vừa qua, Sở phối hợp cùng các ngành tỉnh, địa phương đã tích cực triển khai, thông tin mời gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận khi có nhu cầu tìm hiểu đầu tư.

1.4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn

- Hỗ trợ tư vấn thiết kế nhãn hiệu, thông tin nhãn hàng hóa, tờ rơi quảng bá thương hiệu cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tư vấn, hướng dẫn các cơ sở CNNT thực hiện thủ tục, lập các đề án khuyến công.

⁴ Theo Phương án phát triển Cụm công nghiệp tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến phát triển 35 cụm công nghiệp với tổng diện tích trên 1.715ha.

1.5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn; công tác truyền thông

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang thực hiện 07 chương trình truyền hình chuyên đề về hoạt động khuyến công.
- Hình thức tuyên truyền khác: Phối hợp với Báo An Giang thực hiện 10 chuyên mục: tuyên truyền hoạt động khuyến công - tư vấn phát triển công nghiệp và tuyên truyền các văn bản quy pháp pháp luật, chính sách mới có liên quan đến khuyến công.
- Khảo sát nắm thông tin về các sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh An Giang để hỗ trợ quảng bá trên website của các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- Thiết kế, in ấn và phát hành Bộ tờ rơi sản phẩm CNNT tiêu biểu đạt giải cấp tỉnh trở lên.
- Cung cấp thông tin Bộ Công Thương về quảng bá sản phẩm đặc trưng của địa phương trên trang thông tin điện tử: thuongmaibiengioimiennui.gov.vn; Thường xuyên thông tin đến các cơ sở CNNT về các kỳ hội chợ triển lãm được tổ chức trên toàn quốc.
- Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số hỗ trợ cho các cơ sở CNNT có sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia xây dựng mới 18 Website/phần mềm ứng dụng giải pháp quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

1.6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

- Cử công chức, viên chức tham dự: Hội nghị tập huấn, Hội thảo chuyên đề về khuyến công do Cục Công Thương địa phương tổ chức.
- Tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thiện hiện hoạt động khuyến công cho 150 lượt người làm công tác khuyến công cấp huyện và cộng tác viên khuyến công ở các xã, phường, thị trấn.
- Thực hiện hơn 100 lượt khảo sát, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hoạt động khuyến công tại các huyện, thị xã, thành phố.
- Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung hoạt động khuyến công có trọng tâm, trọng điểm và thế mạnh ngành chủ lực của tỉnh.

1.7. Các nội dung hỗ trợ khác

a) Cộng tác viên khuyến công:

Mỗi huyện, thị xã, thành phố phân công 01 cán bộ thuộc Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố (nay là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) phụ trách công tác khuyến công và Quyết định phân công cộng tác viên khuyến công tại các xã, phường, thị trấn là 143 người.

b) Hoạt động kết nối cung cầu:

Tổ chức 06 chuyến kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm cho các cơ sở CNNT với các đối tác ở tỉnh bạn.

2. Đề án khuyến công quốc gia điểm (nếu có)

Trong giai đoạn 2021 - 2025 không có cơ sở công nghiệp nông thôn có nội dung thực hiện phù hợp để đăng ký tham gia thực hiện đề án điểm.

3. Kết quả huy động các nguồn lực thực hiện

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang là **34.387 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương: **1.400 triệu đồng**
(nguồn kinh phí khuyến công quốc gia, Bộ Công Thương cấp)
- Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh): **15.697 triệu đồng**
- + Chương trình MTQG XD NTM: 838 triệu đồng
- + Chương trình khuyến công: 14.859 triệu đồng
- Vốn cơ sở, doanh nghiệp đối ứng: **17.290 triệu đồng**

PHẦN II

ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

I. QUAN ĐIỂM, CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

1. Quan điểm

Bám sát các quan điểm của Quy hoạch Tỉnh An Giang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg, Tỉnh tập trung triển khai Chương trình Khuyến công trên các nền tảng quan điểm như sau:

- (1) Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm;
- (2) Phát triển khoa học, công nghệ làm động lực và đột phá cho sự phát triển của tỉnh;
- (3) Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển bảo đảm phát huy vị thế chiến lược của tỉnh với vùng đồng bằng sông Cửu Long;
- (4) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- (5) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Bối cảnh tình hình

Những năm qua với sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách khuyến công về ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng thời tiếp tục cụ thể hóa nội dung của Nghị định số 45/2012/CP-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công trong giai đoạn mới, UBND tỉnh An Giang nhận thấy việc xây dựng Chương trình KCQG giai đoạn 2026 - 2030 là thực sự cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn giai đoạn 2026 - 2030, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

3. Căn cứ xây dựng chương trình

- Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII;
- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;
- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

- Huy động các nguồn lực trong tỉnh và ngoài tỉnh tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Góp phần tích cực vào việc phân công lại lao động xã hội, nâng cao hiệu quả kinh tế địa phương trong xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh, sản xuất sạch hơn, sản xuất bền vững, sản xuất theo chuỗi giá trị tuần hoàn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm phát thải khí nhà kính hướng đến mục tiêu phát triển xanh, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn ứng dụng kinh tế số, thương mại điện tử, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thúc đẩy giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn tăng trưởng bình quân đạt và cao hơn mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp. Tăng dần tỷ trọng công nghiệp chế biến sâu, có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao của các sản phẩm nông - lâm - thủy sản.

- Tập trung hỗ trợ các hoạt động xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đến năm 2030, xây dựng được khoảng 02 mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao, đổi mới, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào quy trình sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 100 cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Có khoảng 50 sản phẩm được bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, 20 sản phẩm được cấp khu vực, 10 sản phẩm được bình chọn đạt cấp quốc gia.

- Tham gia Hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP, Hội chợ Ngành Công thương Khu vực và các cuộc Hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh 20 lượt, với hơn 200 cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia. Quan tâm hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia quảng bá thị trường nước ngoài.

- Tăng cường phổ biến và hỗ trợ áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Tăng cường hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp. Mạng lưới tư vấn viên, cộng tác viên cấp huyện, cấp xã hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; Hỗ trợ nâng cấp sửa chữa hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường trong cụm công nghiệp.

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Đề xuất nhiệm vụ cụ thể đối với các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

1.1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; sửa chữa nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông lâm thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn, miền núi; mô hình sản xuất phát triển các sản phẩm chủ lực theo định hướng phát triển của ngành, địa phương.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, tự động hóa, công nghệ 4.0 vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến do cơ sở công nghiệp nông thôn tự nghiên cứu, sản xuất, gia công chế tạo và ứng dụng có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, được cấp có thẩm quyền công nhận. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản

xuất công nghệ theo hướng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng các nguồn nguyên liệu hoặc đưa ra các sản phẩm có tính bảo vệ môi trường, bền vững.

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn sửa chữa nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; Xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn và nhân rộng mô hình áp dụng; Phổ biến, tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung liên quan về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Hỗ trợ liên kết các cơ sở công nghiệp nông thôn với các cơ sở đào tạo trong, ngoài tỉnh nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến.

1.2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

- Tham gia, tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài nước và các hoạt động kết nối giao thương khác. Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh (đăng ký hồ sơ bình chọn cấp khu vực, quốc gia). Hỗ trợ in, dán nhãn logo của chương trình bình chọn; đăng tải thông tin giới thiệu sản phẩm; tặng thưởng tiền đối với sản phẩm đạt giải cấp tỉnh. Hỗ trợ tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác.

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu và đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

- Phát triển hình thức thương mại điện tử trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm công nghiệp nông thôn, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận các Hiệp định thương mại tự do, các biện pháp phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật trong hoạt động thương mại; áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về xuất nhập khẩu sản phẩm. Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

1.3. Hỗ trợ liên doanh, liên kết; tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hợp tác đầu tư phát triển các cụm công nghiệp

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; hình thành mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

- Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp. Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp;

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp.

1.4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp

- Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn

- Đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn.

- Nghiên cứu, ứng dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng tiên tiến; áp dụng các tiêu chí quản lý giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tối ưu hóa nguồn lực.

- Hỗ trợ liên kết giữa các cơ sở công nghiệp nông thôn và các cơ sở đào tạo trong nước nhằm đào tạo lao động kỹ thuật cao, đặc biệt trong các lĩnh vực chế biến, chế tạo.

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, tập huấn, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn.

1.5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn; công tác truyền thông

- Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

- Tăng cường các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

- Tổ chức và hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các cuộc thi, phát động, triển lãm nhằm quảng bá thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công.

- Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ pháp lý về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật về lĩnh vực phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn.

1.6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công và cộng tác viên khuyến công.
- Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công.
- Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước.
- Triển khai xây dựng và tổng kết Chương trình khuyến công giai đoạn.
- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch khuyến công và thực hiện công tác hậu kiểm kết quả thực hiện đề án.

2. Đề xuất nội dung hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP cần ưu tiên hỗ trợ trong giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2045

Hiện nay tỉnh An Giang quan tâm xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như: nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục,...; chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh. Do vậy, trong giai đoạn 2026-2030 cần triển khai mạnh mẽ việc hỗ trợ cơ sở CNTT ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp- tiêu thụ công nghiệp. Xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn, chuyển đổi xanh.

3. Đề xuất nội dung hoạt động khuyến công mới/mở rộng so với Nghị định số 45/2012/NĐ-CP

Thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW đề xuất mở rộng đối tượng về “Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi xanh; hỗ trợ khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh trong sản xuất kinh doanh, cùng với các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại địa phương.”

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế chính sách

- a) Rà soát lại cơ chế, chính sách đã ban hành để điều chỉnh bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với thực tế của địa phương và phù hợp với các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương;
- b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công;
- c) Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện các hoạt động khuyến công, tạo ra bước đột phá thúc đẩy công nghiệp nông thôn phát triển;

d) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương chính sách của nhà nước để người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển công nghiệp ở nông thôn.

2. Về tổ chức bộ máy

a) Nâng cao năng lực chuyên viên khuyến công đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công; Bố trí lãnh đạo quản lý các cấp có kinh nghiệm về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ khuyến công cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, đội ngũ chuyên viên, viên chức của các tổ chức hoạt động khuyến công; Duy trì phát triển và hoàn thiện mạng lưới cộng tác viên khuyến công để tư vấn hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển sản xuất, kinh doanh.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động khuyến công hàng năm, giai đoạn để rút kinh nghiệm.

3. Công tác phối hợp với các cơ quan, đoàn thể

- Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp; các tổ chức tư vấn, các doanh nghiệp, cơ sở để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công.

- Triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Công Thương và các Sở, ngành có liên quan với tổ chức, đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Liên minh HTX, Đoàn thanh niên; Hiệp hội doanh nghiệp....).

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị (các viện, các trường, các chuyên gia, kỹ sư, các nhà quản lý...) để triển khai tốt các hoạt động khuyến công.

4. Kinh phí hoạt động

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chương trình.

- Lồng ghép chương trình với các dự án, chương trình mục tiêu khác để khuyến khích, thu hút nguồn vốn của cá nhân, tổ chức của toàn xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn.

PHẦN III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để triển khai, thực hiện Chương trình khuyến công từ nay đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang đạt yêu cầu đề ra, góp phần hoàn thành Chương trình khuyến công quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kiến nghị:

1. Đối với Chính phủ:

- Ban hành Nghị định điều chỉnh, bổ sung Nghị định số 45/2012/NĐ-CP để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện trong thời gian tới.

- Đối với các đề án đầu tư hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được chứng nhận được ưu tiên hỗ trợ với mức chi cao hơn để tạo động lực, kích thích sự tham gia của các cơ sở công nghiệp nông thôn.

2. Đối với Bộ Công Thương:

- Xem xét, hỗ trợ từ nguồn khuyến công quốc gia cho các nội dung theo Nghị định 45/2012/NĐ-CP như: Lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp.

- Thực hiện chương trình, đề án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công và sản xuất sạch hơn, qua đó lựa chọn đề án phù hợp với từng địa phương, hỗ trợ địa phương tiếp cận chương trình, đề án hợp tác quốc tế.

- Tạo điều kiện cán bộ khuyến công được tham gia trao đổi, học tập kinh nghiệm, đào tạo ngoài nước nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến công cấp tỉnh.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang, kính gửi Bộ Công Thương xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh: CT và các PCT (để b/c);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP và P.TH, P.KTĐT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước